

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019
Ngành ATTT; CNTT; KTĐT-VT

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
1	29031421	NGUYỄN VĂN HẢO	14/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9	8.75	8.5	0.75	0	26.25	27
2	09002868	LÊ MINH TIẾN	17/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.75	8	0.75	2	23.15	25.9
3	01001932	NGUYỄN TRỌNG MINH	18/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9.4	8	8.4	0.00	0	25.8	25.8
4	19012046	ĐỖ VĂN MINH DUNG	17/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	8.25	8	0.50	0	25.05	25.55
5	26017266	NGUYỄN HỮU DUY	03/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	8.25	8	0.50	0	24.65	25.15
6	01025556	NGUYỄN CHÍ DUNG	23/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8.25	8	0.25	0	24.85	25.1
7	28011437	BÙI VĂN ĐỒNG	05/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	6.5	0.75	2	22.1	24.85
8	62000541	PHÙNG HOÀI THƯƠNG	12/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	8.5	5.75	0.75	2	21.85	24.6
9	32000266	NGUYỄN LÊ VĂN HOÀNG	22/09/1999	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.75	7.5	0.50	0	24.05	24.55
10	01036485	NGUYỄN TRUNG NGỌC	05/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9.2	8.5	6.5	0.25	0	24.2	24.45
11	07002847	LÔ VĂN HUYNH	07/09/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7	7.25	0.75	2	21.65	24.4
12	26008978	LẠI PHƯƠNG THẢO	30/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7.75	0.50	0	23.85	24.35
13	01012831	NGUYỄN HOÀNG BÌNH	13/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	8.6	0.00	0	24.25	24.25
14	01040348	HÀ QUANG ĐẠT	16/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	6.25	0.75	2	21.5	24.25
15	19010469	NGUYỄN VĂN THẮNG	28/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.75	0.50	0	23.7	24.2
16	01057498	VƯƠNG THỊ DUNG	31/01/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	9.4	7.5	7	0.25	0	23.9	24.15
17	19004453	NGUYỄN THỊ THÚY	09/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	7.75	0.50	0	23.65	24.15
18	26003030	NGUYỄN VĂN DỪNG	10/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	8	7.25	0.50	0	23.65	24.15
19	29024174	NGUYỄN VĂN ĐỨC ANH	20/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	8.25	8	0.50	0	23.65	24.15
20	01032765	NGUYỄN TUẤN SƠN	31/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8.75	6.5	0.25	0	23.85	24.1
21	09000597	BÙI THÀNH ĐẠT	02/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.75	6.8	0.75	0	23.35	24.1
22	19003166	NGUYỄN KHẮC HÙNG	22/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7	8.8	0.50	0	23.6	24.1
23	21003400	ĐỖ THỊ NGỌC ANH	09/11/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	8	8	0.50	0	23.6	24.1
24	22007484	TRINH ĐÌNH VŨ	23/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7	7.8	0.50	0	23.6	24.1
25	29032197	NGUYỄN VĂN QUYỀN	20/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7.25	0.75	0	23.35	24.1
26	42007438	CAO DƯƠNG SƠN HIẾU	01/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8	6.75	0.75	0	23.35	24.1
27	01047870	BÙI HOÀNG DIỆU	22/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.25	7.75	0.25	0	23.8	24.05
28	25000350	NGUYỄN KHÁNH NAM	03/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	8.6	0.25	0	23.8	24.05
29	25016443	TRẦN THỊ HOÀI NINH	12/07/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.75	7	0.50	0	23.55	24.05
30	27003297	NGUYỄN TUẤN THÀNH	21/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	8	7	0.25	0	23.8	24.05
31	01041079	ĐẶNG THÁI SƠN	18/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.75	0.25	0	23.75	24
32	01046598	TRẦN ĐỨC LONG	02/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	6.75	9	0.25	0	23.75	24
33	06001337	DƯƠNG THỊ HỘI	20/10/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7	7.75	6.5	0.75	2	21.25	24
34	15008640	KIỀU THÈ SƠN	26/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7	7	7.25	0.75	2	21.25	24
35	16004468	PHẠM NGỌC THANH	22/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.75	7.75	0.50	0	23.5	24
36	17006549	DƯƠNG ĐỨC MẠNH	19/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.75	8	0.25	0	23.75	24
37	17009029	VŨ THÀNH TÀI	19/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9	7.5	7.25	0.25	0	23.75	24
38	19007061	NGUYỄN THỊ HOA	21/07/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.5	8.2	0.50	0	23.5	24
39	21014779	NGUYỄN VĂN GIỚI	24/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.5	0.50	0	23.5	24
40	29009745	NGUYỄN VĂN MẠNH	22/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.5	0.50	0	23.5	24
41	29032380	PHẠM VĂN ANH TUẤN	18/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	7.75	0.75	0	23.25	24

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
42	40018756	NGUYỄN TIẾN NGUYỄN	01/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.75	7.5	0.75	0	23.25	24
43	01012102	NGUYỄN ĐỨC TUẤN ANH	27/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	8.4	0.00	0	23.95	23.95
44	01051712	NGUYỄN TIẾN QUANG	22/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	7.5	0.25	0	23.7	23.95
45	15006089	NGUYỄN KHÁNH DUY	16/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	7.5	0.75	0	23.2	23.95
46	18012037	NGUYỄN MẠNH HẠ	05/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	7.5	0.75	0	23.2	23.95
47	19005130	NGUYỄN VĂN NINH	01/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	7.5	0.25	0	23.7	23.95
48	19010313	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ	04/09/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.5	0.50	0	23.45	23.95
49	21012233	NGUYỄN THỊ AN	21/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	6.75	8.25	0.75	0	23.2	23.95
50	24005307	TRẦN ĐỨC TOÀN	07/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.5	0.50	0	23.45	23.95
51	25016680	PHẠM VŨ YÊN	11/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.5	0.50	0	23.45	23.95
52	01010869	PHẠM QUANG HAI	02/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	8	0.00	0	23.9	23.9
53	01068916	HOÀNG TIẾN HÙNG	27/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	8	0.25	0	23.6	23.85
54	15003204	NGUYỄN THỊ THUY LINH	01/01/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	6	6.5	0.75	2	21.1	23.85
55	25009813	TRẦN NGỌC HUYNH	04/08/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8	6.75	0.50	0	23.35	23.85
56	26012100	ĐỖ NGỌC TÙNG DƯƠNG	24/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.25	7.5	0.50	0	23.35	23.85
57	26015456	TRẦN QUANG THIỂU	27/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7.25	0.50	0	23.35	23.85
58	38004307	NGUYỄN THANH CAO	12/01/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	8.5	7	0.75	0	23.1	23.85
59	01059035	NGÔ VĂN THUẬN	24/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7	7.75	0.25	0	23.55	23.8
60	14001248	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	22/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	7.5	0.75	0	23.05	23.8
61	18000198	CHU DUY HÙNG	21/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.25	6	0.75	2	21.05	23.8
62	18009737	NGUYỄN VĂN LINH	27/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	7.25	0.75	0	23.05	23.8
63	22003082	HOÀNG HỒNG QUÂN	22/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.75	6.75	0.50	0	23.3	23.8
64	26003772	PHẠM CANH DINH	31/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.5	7	0.50	0	23.3	23.8
65	29009959	HOÀNG NGHĨA THÁI	10/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	7.5	0.50	0	23.3	23.8
66	01004625	NGHIÊM ĐÌNH BẠCH	06/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.75	7.6	0.00	0	23.75	23.75
67	01022958	TRƯƠNG QUANG NGHĨA	10/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.75	7.4	0.00	0	23.75	23.75
68	01034293	NGUYỄN VĂN DUY	06/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.5	0.25	0	23.5	23.75
69	01056125	UÔNG THỊ VĂN KIỀU	09/04/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	8.25	0.25	0	23.5	23.75
70	07002289	MÈ ĐỨC CƯỜNG	20/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	6.75	6.25	0.75	2	21	23.75
71	22007088	PHẠM NGỌC HUỆ	07/08/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	8.25	7	0.50	0	23.25	23.75
72	23000433	NGUYỄN MINH TUẤN	16/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	7.5	0.75	0	23	23.75
73	23001237	LƯU ĐỨC KIÊN	16/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7	6.6	0.75	2	21	23.75
74	25006237	NGUYỄN VIỆT TÂN	21/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.75	7.5	0.50	0	23.25	23.75
75	25013691	PHẠM NGỌC HIẾU	27/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	7.75	0.50	0	23.25	23.75
76	29024789	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	14/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	8	0.25	0	23.5	23.75
77	12002048	NGUYỄN THỊ YÊN	03/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8.25	7	0.25	0	23.45	23.7
78	15009401	TRẦN QUANG HUY	28/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	7.25	0.75	0	22.95	23.7
79	18011221	PHẠM VĂN DŨNG	18/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	8.75	7.25	0.50	0	23.2	23.7
80	22005044	VŨ ANH TUẤN	25/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.25	0.50	0	23.2	23.7
81	25013590	NGUYỄN THỊ DIỆU	31/07/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	7.5	0.50	0	23.2	23.7
82	26015090	PHẠM VĂN GIANG	17/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	7	0.50	0	23.2	23.7
83	29009206	PHẠM HỒNG DŨNG	20/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8.25	6.75	0.50	0	23.2	23.7
84	22003223	VŨ HOÀI ANH	26/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7.5	0.50	0	23.15	23.65
85	25013828	TRẦN DUY NGHĨA	03/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7.5	0.50	0	23.15	23.65
86	26008627	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	21/12/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7.75	0.50	0	23.15	23.65
87	28019504	HÀ HỮU LONG	02/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	8.5	6.25	0.50	0	23.15	23.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU ¹	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
88	01004162	LƯU ĐĂNG DUY ANH	15/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.6	0.00	0	23.6	23.6
89	01014880	NGUYỄN ĐỨC KIẾN	16/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	8	7.2	0.00	0	23.6	23.6
90	01033205	NGUYỄN XUÂN VĂN	18/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.25	7.5	0.25	0	23.35	23.6
91	17012896	PHẠM VIỆT QUANG	25/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.25	7	0.75	0	22.85	23.6
92	21014067	VŨ ĐÌNH TUẤN ANH	02/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	7.75	0.25	0	23.35	23.6
93	25001864	LÊ TRƯỜNG GIANG	10/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.75	8	0.25	0	23.35	23.6
94	26002587	VŨ QUANG MINH	09/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	8	7.5	0.50	0	23.1	23.6
95	26015163	NGUYỄN VĂN HÒA	22/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7	0.50	0	23.1	23.6
96	30008915	NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.75	7.75	0.50	0	23.1	23.6
97	01015920	NGUYỄN HÙNG SƠN	07/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	5.75	9.4	0.00	0	23.55	23.55
98	10005682	HOÀNG THỊ HƯỜNG	21/04/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	6	7	0.75	2	20.8	23.55
99	18008665	NGUYỄN TRUNG ANH	05/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	7.25	0.75	0	22.8	23.55
100	24006291	LẠI XUÂN TRƯỜNG	23/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	7.5	0.50	0	23.05	23.55
101	25014708	TRẦN VIỆT ANH	02/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.25	7	0.50	0	23.05	23.55
102	28023217	LƯƠNG TRUNG HIẾU	17/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.25	7	0.50	0	23.05	23.55
103	01001189	LÊ VIỆT HOÀN	04/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7.4	0.00	0	23.5	23.5
104	13000419	NGUYỄN TRƯỜNG TRƯỚC	13/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	7.5	0.75	0	22.75	23.5
105	18017695	NGUYỄN TUẤN ANH	31/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8.25	7.2	0.25	0	23.25	23.5
106	22007010	VŨ THỊ GIANG	15/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	7	8	0.50	0	23	23.5
107	28023406	NGUYỄN THỊ NGỌC	19/02/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7	8.4	0.50	0	23	23.5
108	29002116	ĐOÀN VĂN DUY TIỀN	24/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7	0.50	0	23	23.5
109	30011539	HOÀNG HỮU THƠM	02/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.75	7.6	0.75	0	22.75	23.5
110	01044206	PHẠM TRƯỜNG MINH	08/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	6.5	0.75	0	22.7	23.45
111	01052214	ĐƯƠNG ĐÌNH BẮC	28/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	7.5	0.25	0	23.2	23.45
112	02027595	HUỲNH NGỌC HUY	28/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.25	8.6	0.00	0	23.45	23.45
113	16004595	BÙI QUỐC VŨ	28/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7.75	0.50	0	22.95	23.45
114	18007575	NGUYỄN VĂN TUẤN	05/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.25	7.25	0.75	0	22.7	23.45
115	21009453	NGUYỄN HOÀI NAM	09/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7.25	0.25	0	23.2	23.45
116	22003313	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	28/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	8	7.75	0.50	0	22.95	23.45
117	25006291	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	06/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	7.75	8	0.50	0	22.95	23.45
118	25013897	NGUYỄN NGỌC SƠN	08/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7.75	0.50	0	22.95	23.45
119	62000470	TRẦN XUÂN THANH	18/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7.5	0.75	0	22.7	23.45
120	01003473	NGUYỄN CƯỜNG VIỆT	10/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	8	0.00	0	23.4	23.4
121	01011716	CHU QUANG THUẬN	09/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.75	7.25	0.00	0	23.4	23.4
122	01033801	TRINH THỊ ANH	20/03/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	7.25	0.25	0	23.15	23.4
123	09006723	LÀ THỊ LAN ANH	28/08/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7.25	6	0.75	2	20.65	23.4
124	15000454	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	26/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7.75	0.25	0	23.15	23.4
125	22011831	PHẠM NHƯ PHONG	14/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	6.8	0.50	0	22.9	23.4
126	26015560	ĐÀO THỊ TỎ UYÊN	14/04/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.5	7.6	0.50	0	22.9	23.4
127	41007430	HỒ MINH THÔNG	12/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	8	7.75	0.25	0	23.15	23.4
128	01024335	CHU HỮU HUY	04/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8.5	6.25	0.00	0	23.35	23.35
129	01025134	NGUYỄN VIỆT PHÚC	30/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.75	7	0.00	0	23.35	23.35
130	01030334	NGUYỄN ANH ĐỨC	15/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.25	7.25	0.25	0	23.1	23.35
131	21004674	NGUYỄN VĂN THẾ	03/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.75	7.5	0.50	0	22.85	23.35
132	21010790	ĐỒNG MINH DƯƠNG	09/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.5	8	0.25	0	23.1	23.35
133	24001094	NGUYỄN QUỐC HUY	12/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7.5	7	0.25	0	23.1	23.35

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
134	28034413	NGUYỄN VĂN SỸ	02/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7.2	0.50	0	22.85	23.35
135	29007273	NGUYỄN ĐĂNG HẢO	12/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	7.25	0.50	0	22.85	23.35
136	01029454	NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	03/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	7.5	0.25	0	23.05	23.3
137	01060813	MAI GIA PHÚC	22/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.5	7.75	0.25	0	23.05	23.3
138	01066138	LÊ LƯU HOÀNG	06/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	7.25	0.25	0	23.05	23.3
139	09000067	HOÀNG QUANG HỌC	06/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	6	6.75	0.75	2	20.55	23.3
140	13005230	ĐÀO TUẦN TỬ	07/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	6.75	0.75	0	22.55	23.3
141	14000750	TRẦN THẾ DUYỆT	23/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	5.75	8.6	0.75	0	22.55	23.3
142	16007718	ĐÀO QUANG LINH	19/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7	7	0.50	0	22.8	23.3
143	16011028	NGUYỄN XUÂN THỊNH	15/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.25	8	0.25	0	23.05	23.3
144	21017835	BUI QUANG THẮNG	22/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7	7	0.50	0	22.8	23.3
145	25002004	PHẠM XUÂN MẠNH	09/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	7.5	0.25	0	23.05	23.3
146	25013735	CAO QUỐC HÙNG	08/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7	7	0.50	0	22.8	23.3
147	26013262	NGUYỄN THỊ THUY DUN	04/05/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.5	7.5	0.50	0	22.8	23.3
148	27003460	DƯƠNG KHƯƠNG DUY	14/09/1997	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.75	5.5	0.25	2	21.05	23.3
149	28024041	TRẦN NHẬT QUYNH	23/06/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.25	7.75	0.50	0	22.8	23.3
150	28025050	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	06/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	7	0.50	0	22.8	23.3
151	29031302	PHAN TIỀN DỪNG	20/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.25	7.75	0.50	0	22.8	23.3
152	30006950	LÊ QUÝ VŨ	03/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	7	0.50	0	22.8	23.3
153	01039923	ĐỖ MINH THÀNH	08/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7.25	0.00	0	23.25	23.25
154	01057202	NGUYỄN VĂN XUÂN	06/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	8	6.6	0.25	0	23	23.25
155	16006881	NGUYỄN KIM NAM	05/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	6.75	0.50	0	22.75	23.25
156	17007062	LA GIA HUY	02/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	7	0.25	0	23	23.25
157	18018255	NGUYỄN MINH THIỆU	05/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7	8	0.25	0	23	23.25
158	25010290	VŨ HOÀNG DƯƠNG	26/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	6.75	7.8	0.50	0	22.75	23.25
159	26013356	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	09/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7	7	7.75	0.50	1	21.75	23.25
160	28027728	NGUYỄN VĂN HÙNG	24/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.75	7	0.50	0	22.75	23.25
161	37009418	PHẠM ĐOÀN KIỂM	18/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	6.75	0.50	0	22.75	23.25
162	01026318	TRƯƠNG VĂN MINH	29/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	7.5	8.25	0.25	0	22.95	23.2
163	01038904	NGUYỄN TRUNG HIẾU	16/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	6.8	7	9.4	0.00	0	23.2	23.2
164	01051650	VŨ ĐÌNH PHONG	09/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	6.75	0.25	0	22.95	23.2
165	15006883	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG	14/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	7.75	7.75	0.50	0	22.7	23.2
166	18014067	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	06/03/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7.5	7.8	0.50	0	22.7	23.2
167	19001409	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	15/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	7	0.25	0	22.95	23.2
168	25011973	VŨ TRỌNG ĐẠT	27/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	8.25	7.25	0.50	0	22.7	23.2
169	26002654	NGUYỄN THỊ NHI	27/04/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.25	7.25	0.50	0	22.7	23.2
170	26010454	NGUYỄN THANH XUÂN	09/03/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	7.2	0.50	0	22.7	23.2
171	26010948	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	26/11/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	5.5	9.2	0.50	0	22.7	23.2
172	29015885	NGUYỄN VĂN TÂN	23/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.5	6.75	0.75	0	22.45	23.2
173	19005957	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	30/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7.25	0.25	0	22.9	23.15
174	22007774	NGUYỄN ĐỨC PHŨ	17/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9.4	8.25	5	0.50	0	22.65	23.15
175	25003729	BUI NAM ANH	01/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.75	6.5	0.50	0	22.65	23.15
176	25006000	LÊ DANH GIANG	01/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7.75	7.5	0.50	0	22.65	23.15
177	25013105	VŨ VĂN DOANH	23/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7	0.50	0	22.65	23.15
178	25013334	VŨ ĐỨC QUANG	11/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	7.4	0.50	0	22.65	23.15
179	28025070	LÊ TRỌNG NAM	10/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7.25	0.50	0	22.65	23.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
180	29002018	NGUYỄN VĂN HAI	22/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	6.75	0.50	0	22.65	23.15
181	30015474	BẠCH ĐÌNH BAO PHÚC	30/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7	0.75	0	22.4	23.15
182	01038098	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	04/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.5	8	0.00	0	23.1	23.1
183	16000576	PHẠM HUY HIẾU	24/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	6.25	8.8	0.25	0	22.85	23.1
184	16007895	BÙI DUY TUYẾN	31/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	6.5	7.75	0.25	0	22.85	23.1
185	25009052	PHẠM HAI TOÀN	10/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	7	0.50	0	22.6	23.1
186	26007483	LƯƠNG QUANG HUY	06/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	8	7	0.50	0	22.6	23.1
187	27004708	ĐÀO THỊ HẰNG NGA	10/03/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	7	7	0.50	0	22.6	23.1
188	29009643	PHẠM BÀ KHÁNH	02/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.25	7.75	0.50	0	22.6	23.1
189	30008520	MAI VĂN TUẤN	24/01/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.6	8	5.75	0.75	0	22.35	23.1
190	01036688	HOÀNG VĂN THẮNG	06/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7.4	0.25	0	22.8	23.05
191	17004410	HUỲNH TRUNG NGHĨA	24/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	8	7.4	0.25	0	22.8	23.05
192	19004929	TRẦN QUANG HUY	18/07/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	6.25	7.75	0.25	0	22.8	23.05
193	19007069	LÊ ĐẮC HÒA	05/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	7.75	6	0.50	0	22.55	23.05
194	24003179	NGUYỄN HOÀNG ANH	03/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7	7.75	0.50	0	22.55	23.05
195	25006162	NGÔ PHƯƠNG NAM	30/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	8	6.75	0.50	0	22.55	23.05
196	25015909	LÊ TẤT THẮNG	31/03/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7	7.75	0.50	0	22.55	23.05
197	27008615	NGUYỄN QUỐC TRUNG	20/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	6.5	8	0.75	0	22.3	23.05
198	30012486	TRẦN QUANG CHUNG	23/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.25	7.5	0.50	0	22.55	23.05
199	01038165	ĐỖ VÕ HỮU TÙNG	26/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7	8.4	0.00	0	23	23
200	01041451	BÙI QUỐC MINH	04/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.6	7.75	7.4	0.25	0	22.75	23
201	01071393	NGUYỄN THÀNH HÙNG	30/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	7.5	0.25	0	22.75	23
202	14001111	ĐIỀU CHỈNH ĐẠT	10/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	6	6.25	0.75	2	20.25	23
203	15009590	NGUYỄN PHÚC SƠN	25/01/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	6.4	6.25	9.6	0.75	0	22.25	23
204	17004621	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	03/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	6.75	0.25	0	22.75	23
205	19011837	NGUYỄN THU THÚY	04/07/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	7.25	0.50	0	22.5	23
206	25015094	HOÀNG NHẬT	14/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	6.6	0.50	0	22.5	23
207	25015610	PHẠM TRUNG HIẾU	14/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	6.75	7.75	0.50	0	22.5	23
208	26012352	VŨ QUANG MINH	04/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	8	6.5	0.50	0	22.5	23
209	26016320	VŨ TRỌNG CHUÔNG	02/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.5	7	0.50	0	22.5	23
210	26018148	TẠ THỊ THOM	18/01/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	7	7.5	0.50	0	22.5	23
211	28025035	LÊ GIA LỰC	07/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7	7.5	0.50	0	22.5	23
212	30016286	LÊ TUẤN ANH	19/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8	7.25	7	0.75	0	22.25	23
213	01007790	NGUYỄN VŨ DŨNG	23/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.8	5.75	8.4	0.00	0	22.95	22.95
214	01040890	NGUYỄN DUY HÙNG	13/08/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	6.5	0.25	0	22.7	22.95
215	15006154	NGUYỄN KHẮC HÙNG	02/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7	0.75	0	22.2	22.95
216	17003991	BÙI QUỐC VIỆT ANH	29/09/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.8	7.5	7.4	0.25	0	22.7	22.95
217	18004967	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	08/04/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.2	8	7	0.75	0	22.2	22.95
218	19004776	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	10/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	6.75	0.25	0	22.7	22.95
219	25000545	PHẠM THẾ VINH	25/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	8	6.5	0.25	0	22.7	22.95
220	26005639	VŨ ĐỨC HIẾU	26/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7.25	0.50	0	22.45	22.95
221	26017326	NGUYỄN HOÀNG HAI	16/07/2000	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7	7.25	0.50	0	22.45	22.95
222	29010965	LÊ ANH ĐỨC	05/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.25	7	0.50	0	22.45	22.95
223	29025042	TRẦN KHÁNH SƠN	21/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.2	7.75	6.75	0.25	0	22.7	22.95
224	40008352	NÔNG THỊ SÂM	12/08/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8	6	6.2	0.75	2	20.2	22.95
225	01013025	BÙI LÊ DŨNG	18/06/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7	7.5	0.00	0	22.9	22.9

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
226	01013988	DƯƠNG HUY HIẾU	09/03/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	9.4	7	6.5	0.00	0	22.9	22.9
227	01074613	NGUYỄN DUY THANH	15/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.5	8	0.00	0	22.9	22.9
228	03000289	NGUYỄN TUẤN KIẾT	10/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.75	7.5	0.25	0	22.65	22.9
229	10004335	LÊ ĐỨC THỌ	18/12/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.75	7	0.75	0	22.15	22.9
230	19007160	NGUYỄN DUY KHANG	08/05/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	6.5	0.50	0	22.4	22.9
231	19010052	ĐÌNH MINH ĐỨC	25/11/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	7.75	7.25	0.50	0	22.4	22.9
232	19010402	VŨ VĂN QUÝ	04/10/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	7.4	8	7	0.50	0	22.4	22.9
233	19013481	TRẦN PHƯƠNG LOAN	04/12/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	7	8	7.4	0.50	0	22.4	22.9
234	25013884	CAO THỊ DIỄM QUỲNH	23/09/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	6.5	7.5	0.50	0	22.4	22.9
235	26002039	PHẠM VĂN TÂY	14/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.25	7	0.25	0	22.65	22.9
236	26004851	VŨ THỊ HIỀN	02/02/2001	NỮ	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	6.5	0.50	0	22.4	22.9
237	28001117	ĐO VIỆT KHÁNH	11/02/2001	NAM	7480201	Công nghệ thông tin	8.4	7.5	6.75	0.25	0	22.65	22.9
238	12000149	PHẠM ĐỨC THIÊN	25/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	9	8	0.75	2	25.6	28.35
239	06003790	DƯƠNG MINH NGHĨA	08/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.25	8.2	0.75	2	22.65	25.4
240	21017350	PHẠM ĐĂNG CHÍNH	17/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.5	8.25	0.50	0	24.55	25.05
241	17006392	PHẠM XUÂN HIỆU	28/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	8.25	7.8	0.25	0	24.45	24.7
242	48005776	NGUYỄN CÔNG SƠN	19/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	8.8	0.25	0	24.25	24.5
243	28001154	LÊ THỦY LINH	12/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	8.5	7	0.25	0	24.1	24.35
244	16005528	TRẦN VĂN NAM	23/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.75	7	0.75	0	23.55	24.3
245	29024409	PHAN THỊ HỒNG	01/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.8	8	7	0.50	0	23.8	24.3
246	25004074	PHẠM ANH MINH	24/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.75	8.6	0.50	0	23.75	24.25
247	01005665	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	01/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.75	7.6	0.00	0	24.15	24.15
248	25011698	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	19/01/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.5	7.5	0.50	0	23.6	24.1
249	26001674	NGUYỄN THÁI HÀ	01/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8.25	7.6	0.25	0	23.85	24.1
250	37011801	HỒ TUẤN PHÁT	04/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.25	7.75	0.50	0	23.6	24.1
251	21006251	NGUYỄN TRUNG HIẾU	20/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.75	7.8	0.50	0	23.55	24.05
252	29018163	NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG	29/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.75	7	0.50	0	23.55	24.05
253	30011732	TRẦN ANH KHÔI	27/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.75	7	0.50	0	23.55	24.05
254	12003249	VŨ HỒNG PHÚC	24/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9.2	7.25	6.8	0.75	0	23.25	24
255	26017912	TRẦN THỊ HÀ	29/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	8	0.50	0	23.5	24
256	30013874	LÊ HOÀNG LONG	06/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	8	7	0.75	0	23.2	23.95
257	01037770	ĐẶNG ĐÌNH DIỆN	02/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	8	7.5	0.00	0	23.9	23.9
258	12000622	LÊ DUY NHẬT	24/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.6	6.75	7.8	0.75	2	21.15	23.9
259	30000985	HOÀNG ANH QUÂN	06/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	8	0.75	0	23.05	23.8
260	16008474	NGUYỄN VĂN DŨNG	14/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	7.6	0.50	0	23.25	23.75
261	22009751	MAI NGỌC THẮNG	28/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	7.25	0.50	0	23.25	23.75
262	28022059	THIỆU MẠNH ĐỨC	16/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	7.25	0.50	0	23.25	23.75
263	44007245	NGUYỄN THÈ VƯƠNG	07/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	7.5	0.25	0	23.5	23.75
264	12004586	BÊ XUÂN VŨ	23/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6	0.75	2	20.95	23.7
265	26005697	PHẠM ANH HUY	06/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7.25	0.50	1	22.2	23.7
266	01035184	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	23/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.75	7	0.25	0	23.35	23.6
267	01063469	LÊ QUỐC DUY	18/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	8.25	7.5	0.25	0	23.35	23.6
268	58002608	TRẦN TRÚC DIỆP	26/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	8.4	7.33	0.25	0	23.33	23.58
269	01045112	ĐẶNG VIỆT ANH	21/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	8	6.5	0.25	0	23.3	23.55
270	02070322	THẦN MINH TUẤN PHÁT	06/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	8	0.00	0	23.55	23.55
271	26018222	PHẠM THỊ UYÊN	23/11/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	8.25	6.75	0.50	0	23	23.5

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU ¹	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
272	63000735	PHAN VĂN THẮNG	29/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	6.75	0.75	0	22.75	23.5
273	02046336	NGUYỄN NGUYỄN THÂN	06/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	8.4	0.00	0	23.45	23.45
274	29029219	NGUYỄN THÊ LẬP	11/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.75	7	0.25	0	23.15	23.4
275	22012327	GIANG THỊ THẨM	09/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	7.5	0.50	0	22.85	23.35
276	25004527	PHẠM VIỆT HOÀNG	13/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	8	7.25	0.50	0	22.85	23.35
277	01018580	ĐỖ ĐỨC MINH	21/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	7.8	0.00	0	23.3	23.3
278	24006110	NGUYỄN THỊ LÊ	26/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	8	6.4	0.50	0	22.8	23.3
279	26018180	BÙI THU TRANG	07/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	8	7.4	0.50	0	22.8	23.3
280	34001294	ĐỖ THÀNH ĐẠT	23/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	8	7	0.50	0	22.8	23.3
281	01007354	NGUYỄN NGỌC BẢO	12/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7.25	9.2	0.00	0	23.25	23.25
282	01059167	NGUYỄN VĂN TÙNG	11/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9	7	7	0.25	0	23	23.25
283	19006086	NGUYỄN THẠCH HUY	09/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	7	0.25	0	23	23.25
284	25015568	VŨ THU HÀ	25/08/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7	7.75	0.50	0	22.75	23.25
285	29031233	NGUYỄN TRỌNG CHINH	04/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.75	6.75	0.75	0	22.5	23.25
286	02039539	NGUYỄN MẠNH TIẾN	16/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	8.25	0.00	0	23.2	23.2
287	17005791	TRẦN ĐỨC MINH	10/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	8.2	0.25	0	22.95	23.2
288	21012112	TRẦN VĂN SÁNG	27/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	8	6.25	0.75	0	22.45	23.2
289	25012654	TRẦN THỊ HOÀI	18/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	8	0.50	0	22.7	23.2
290	01063551	NGUYỄN HỒNG ĐẮC	23/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.75	7.75	0.25	0	22.9	23.15
291	01063919	NGUYỄN CHỈ HẢO	03/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.75	6.75	0.25	0	22.9	23.15
292	02069950	NGUYỄN VŨ HOÀNG LÂN	04/09/1996	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	7.5	0.00	0	23.15	23.15
293	22000887	ĐƯƠNG THÀNH ĐẠT	01/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	7.25	0.25	0	22.9	23.15
294	22012266	NGUYỄN HẢI NAM	10/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.25	8	0.50	0	22.65	23.15
295	26012678	ĐOÀN CHUNG ANH	21/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	7.8	0.50	0	22.65	23.15
296	19010371	PHÙNG ĐÌNH PHÚC	04/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	7.4	0.50	0	22.6	23.1
297	15005342	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	10/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7.5	0.75	0	22.3	23.05
298	23002226	PHẠM ĐỨC THỊNH	17/01/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	8	5.5	0.75	0	22.3	23.05
299	24000648	TRỊNH CÔNG MINH	30/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	7.25	0.25	0	22.8	23.05
300	01038369	NGUYỄN THANH HẢI	13/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	8	6.8	0.00	0	23	23
301	01043253	HOÀNG THỊ KIM HẠNG	04/11/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7	6.25	7	0.75	2	20.25	23
302	01069275	VŨ THANH TÙNG	13/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	7.5	0.25	0	22.75	23
303	01069800	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	24/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7.75	7	0.25	0	22.75	23
304	27004476	ĐỖ XUÂN BẢNG	24/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	7	0.50	0	22.5	23
305	46006280	LÊ THANH LIÊM	11/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	7.25	0.75	0	22.25	23
306	01063349	TRẦN VĂN BIÊN	11/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	8	6.5	0.25	0	22.7	22.95
307	01063651	TRẦN THỊ THANH	30/09/1997	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	7.25	0.25	0	22.7	22.95
308	17005563	NGUYỄN MINH HIỀN	04/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	8.5	6.4	0.25	0	22.7	22.95
309	21003756	BÙI ĐỨC MẠNH	10/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.75	7.5	0.50	0	22.45	22.95
310	28002024	BÙI THỊ PHƯƠNG DUYẾN	30/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	6	6.4	0.75	2	20.2	22.95
311	28031869	LÊ ĐÌNH ĐỨC	05/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	8	6	0.75	0	22.2	22.95
312	28032188	NGUYỄN DUY NAM	27/12/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.75	7.5	0.50	0	22.45	22.95
313	29000249	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	02/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.5	6.75	0.50	0	22.45	22.95
314	29023996	LƯU VĂN SÁNG	10/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	8	6	0.50	0	22.4	22.9
315	01040934	NGUYỄN DUY ÍCH	23/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	7.6	0.25	0	22.6	22.85
316	01047866	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	25/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	8	7	0.25	0	22.6	22.85
317	01069833	NGUYỄN ANH PHÁP	15/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	7.5	0.25	0	22.6	22.85

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
318	11000704	TRẦN QUANG KHÁNH	10/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.6	6.75	6.75	0.75	2	20.1	22.85
319	16007631	LÊ TIỀN ĐẠT	04/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.75	6	0.50	0	22.35	22.85
320	18011318	ĐỖ VĂN HIỆP	15/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.5	6.25	0.50	0	22.35	22.85
321	25007414	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.5	6.25	0.50	0	22.35	22.85
322	27000596	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	30/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	7	0.75	0	22.1	22.85
323	28026315	HOÀNG NGỌC ANH	28/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	7	0.50	0	22.35	22.85
324	01003070	PHAN THU GIANG	16/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	7.25	0.00	0	22.8	22.8
325	01035903	NGUYỄN ĐẠI LONG	09/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.5	6.25	0.25	0	22.55	22.8
326	02040427	ĐỖ QUANG THẮNG	28/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	7.4	0.00	0	22.8	22.8
327	27002336	TRẦN ĐỨC NINH	20/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.8	0.75	0	22.05	22.8
328	29006697	TRẦN MINH CÔNG	12/06/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.25	6.25	0.50	0	22.3	22.8
329	01018542	TRẦN MẠNH TÙNG	01/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8.25	6.5	0.00	0	22.75	22.75
330	01045015	NGUYỄN TRUNG THÔNG	22/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9	7.5	6	0.25	0	22.5	22.75
331	08003978	BÙI THÀNH CÔNG	08/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.25	0.75	0	22	22.75
332	16006716	NGUYỄN HUY HOÀNG	22/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	8	0.50	0	22.25	22.75
333	19010706	NGUYỄN VĂN ĐẠT	28/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	6.25	0.50	0	22.25	22.75
334	19011217	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	15/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	7	0.50	0	22.25	22.75
335	23000110	NGUYỄN VĂN ĐỨC	25/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	6.75	8.25	0.75	0	22	22.75
336	25005825	PHẠM THỊ NGỌC THƠM	12/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	8.25	6	0.50	0	22.25	22.75
337	25013702	ĐỖ THỊ HOÀI	24/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.5	0.50	0	22.25	22.75
338	26000320	HOÀNG THANH LỊCH	12/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	7.25	0.25	0	22.5	22.75
339	26007045	MAI THỊ TÂM	24/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.25	7.6	0.50	0	22.25	22.75
340	26007901	ĐẠO VĂN ANH	24/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.5	0.50	0	22.25	22.75
341	29024371	LÊ THỊ HIỀN	15/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	7.5	0.75	0	22	22.75
342	44008804	NGUYỄN BẢO DUY	12/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	7.6	0.50	0	22.25	22.75
343	63003513	LƯU THỊ LINH	20/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.5	0.75	0	22	22.75
344	05000421	HOÀNG THANH TÙNG	20/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.2	6.58	0.75	2	19.98	22.73
345	07000545	LỖ VĂN ĐẠI	20/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	7.4	5.58	0.75	2	19.98	22.73
346	16000224	NGUYỄN TRƯƠNG GIÁNG	03/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.8	7.08	0.25	0	22.48	22.73
347	01074608	TẠ THÀNH THÁI	09/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.5	7	0.00	0	22.7	22.7
348	02018936	ĐINH THÀNH ĐẠT	19/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	8	0.00	0	22.7	22.7
349	13002444	VŨ ĐỨC CƯỜNG	25/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7.25	0.75	0	21.95	22.7
350	16007802	VĂN HOÀNG PHÚC	28/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7.4	0.50	0	22.2	22.7
351	19007118	NGUYỄN QUANG HUY	03/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7.6	0.50	0	22.2	22.7
352	21001934	TRÌNH THỊ XUÂN	03/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	8	6.4	0.50	0	22.2	22.7
353	24001901	ĐẠO NGUYỄN NHẬT MINH	07/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7.25	0.50	0	22.2	22.7
354	25000887	TRỊNH TRUNG KIẾN	07/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.25	8	0.25	0	22.45	22.7
355	25007136	ĐOÀN THANH HIỆP	20/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.5	6.5	0.50	0	22.2	22.7
356	25011858	ĐẶNG VŨ HOÀNG ANH	20/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	8	6.8	0.50	0	22.2	22.7
357	26018292	PHẠM DUY CHIẾN	25/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.75	0.50	0	22.2	22.7
358	28025439	MAI VĂN ĐÚ	16/01/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7.25	0.50	0	22.2	22.7
359	29026003	PHẠM THANH TÙNG	03/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.5	6.75	0.25	0	22.45	22.7
360	37003783	LÊ ĐỨC NINH	16/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7.25	0.50	0	22.2	22.7
361	24000772	ĐẠO VĂN THẠO	10/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	8	0.25	0	22.4	22.65
362	25001899	TRẦN TRUNG HIỆU	18/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.5	6.5	0.25	0	22.4	22.65
363	25013805	NGUYỄN TIẾN MẠNH	01/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	6.5	0.50	0	22.15	22.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
364	29006312	TRẦN VĂN TIẾN	13/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	6.5	0.50	0	22.15	22.65
365	29023648	ĐẬU ĐÌNH TÂN	28/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	6.25	0.75	0	21.9	22.65
366	01002462	LÊ HỮU BẢNG AN	30/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.25	6.75	0.00	0	22.6	22.6
367	01015126	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	03/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	8	0.00	0	22.6	22.6
368	01017596	NGÔ ĐÌNH HIẾU	27/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	8.25	5.75	0.00	0	22.6	22.6
369	01062979	ĐỖ TRUNG SƠN	17/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.75	6	0.25	0	22.35	22.6
370	12000007	MA THỊ LAN ANH	09/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.5	5.75	0.75	2	19.85	22.6
371	17006635	NGUYỄN THÊ PHONG	04/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.75	7	0.25	0	22.35	22.6
372	19007807	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	27/08/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	7.6	0.50	0	22.1	22.6
373	24003467	TRƯƠNG VĂN TÂM	02/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	7.6	0.50	0	22.1	22.6
374	29011601	PHẠM PHAN HUYỀN NHI	15/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.8	0.50	0	22.1	22.6
375	30012598	TRẦN THỊ HÀNG	21/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7.5	0.50	0	22.1	22.6
376	01045917	ĐÌNH HUY HOÀNG	09/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	6.75	0.25	0	22.3	22.55
377	12000819	ĐƯƠNG QUÝ TÙNG	18/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7.4	0.25	1	21.3	22.55
378	15002219	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	04/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	7.75	0.25	0	22.3	22.55
379	19007035	NGUYỄN THỊ HIỀN	29/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	6.5	0.50	0	22.05	22.55
380	24000932	NGUYỄN TUẤN ANH	15/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	7	0.25	0	22.3	22.55
381	27001489	ĐÀO VŨ HÙNG	30/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.75	0.50	0	22.05	22.55
382	28012825	LÊ VĂN CHUÔNG	13/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.75	0.50	0	22.05	22.55
383	29027221	NGUYỄN VÕ XUÂN HÙNG	23/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7.5	0.25	0	22.3	22.55
384	31008981	ĐÀO HỮU QUÝ	22/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7.25	0.50	0	22.05	22.55
385	01026898	HOÀNG ĐỨC ANH	29/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	7	0.25	0	22.25	22.5
386	01036988	ĐỖ QUỐC ANH	04/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	7.5	0.00	0	22.5	22.5
387	01060388	LÃ VĂN TUẤN	23/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	7	0.25	0	22.25	22.5
388	01065679	LÝ XUÂN SƠN	04/01/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	8	0.25	0	22.25	22.5
389	09000500	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	26/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.75	6.6	0.75	0	21.75	22.5
390	15000540	HÀ HỮU HUÂN	13/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.75	0.25	0	22.25	22.5
391	17013255	NGUYỄN MẠNH HÙNG	14/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9	6.5	6.75	0.25	0	22.25	22.5
392	19005684	NGUYỄN VĂN LUẬT	24/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.5	0.25	0	22.25	22.5
393	19006267	NGÔ XUÂN TÀI	13/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	7.75	0.25	0	22.25	22.5
394	21012594	ĐÌNH HỮU LỘC	10/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	5.75	8	0.75	0	21.75	22.5
395	24000501	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9	6.25	7	0.25	0	22.25	22.5
396	24002043	LÊ NGỌC THIÊN	22/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6	8	0.50	0	22	22.5
397	26015462	ĐÌNH MINH THÔNG	19/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.25	0.50	0	22	22.5
398	28001058	LÊ VIỆT HOÀNG	12/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.75	0.25	0	22.25	22.5
399	28023519	LÊ MẠNH THÀNH	15/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.75	6.25	0.50	0	22	22.5
400	01006300	TRỊNH GIANG NAM	16/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.5	6.75	0.00	0	22.45	22.45
401	01016503	PHẠM NGỌC SƠN	17/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	7	0.00	0	22.45	22.45
402	01060860	NGUYỄN VĂN SÂM	02/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7.5	0.25	0	22.2	22.45
403	01065139	NGUYỄN XUÂN TIỆP	20/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.75	8.25	0.25	0	22.2	22.45
404	02034897	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	23/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7.25	0.25	0	22.2	22.45
405	02036262	HỒ THỊ PHƯƠNG TRANG	16/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	7	0.25	0	22.2	22.45
406	12013026	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	21/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.75	0.25	0	22.2	22.45
407	18003845	PHẠM VĂN ĐĂNG	14/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	8.25	6.25	0.75	0	21.7	22.45
408	18017677	NGUYỄN DOãn NAM AN	14/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7.6	0.25	0	22.2	22.45
409	21016349	BÙI HỮU HUY	19/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.8	0.50	0	21.95	22.45

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU ¹	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
410	25014322	MAI ĐỨC HƯỚNG	28/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7	0.50	0	21.95	22.45
411	26018399	ĐỖ MINH HIẾU	05/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9.2	6.75	6	0.50	0	21.95	22.45
412	28011423	NGÔ XUÂN DUY	15/10/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.5	0.50	0	21.95	22.45
413	28014004	MAI VĂN THẮNG	01/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7.25	0.50	0	21.95	22.45
414	28027636	HOÀNG THỊ MỘNG HÀ	09/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.75	6.6	0.50	0	21.95	22.45
415	31008806	ĐỖ BÀ HOÀNG	09/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7	0.50	0	21.95	22.45
416	47006878	HUỲNH VĂN THỌ	15/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7	0.75	0	21.7	22.45
417	48014282	NGUYỄN HẢI TRIỀU	05/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.25	7.5	0.50	0	21.95	22.45
418	01006552	PHẠM ANH QUÂN	15/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	7.4	0.00	0	22.4	22.4
419	01010731	LÊ ANH DŨNG	01/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6	9	0.00	0	22.4	22.4
420	19004496	TRƯƠNG MINH TOÀN	17/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.75	0.50	0	21.9	22.4
421	19005716	ĐÀM CÔNG NGỌC	06/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	8.25	0.25	0	22.15	22.4
422	22003626	ĐẶNG THU THẢO	12/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6.5	0.50	0	21.9	22.4
423	25000686	LÊ CÔNG ĐẠT	10/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	5.75	8.4	0.25	0	22.15	22.4
424	25010150	PHẠM ANH TUẤN	16/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.75	6.75	0.50	0	21.9	22.4
425	01063278	PHẠM TUẤN ANH	05/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7.5	0.25	0	22.1	22.35
426	03006263	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	30/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	7	0.00	0	22.35	22.35
427	05004808	BÀN VĂN CƯỜNG	25/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.6	6.75	6.25	0.75	2	19.6	22.35
428	13004195	ĐỖ QUANG ĐẠT	02/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.6	7.5	7.5	0.75	0	21.6	22.35
429	21016386	PHẠM CÔNG HƯỚNG	07/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9.2	7.25	5.4	0.50	0	21.85	22.35
430	22011582	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	29/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.25	8	0.50	0	21.85	22.35
431	25000526	NGUYỄN THỊ TUYẾT	02/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	7.25	0.25	0	22.1	22.35
432	25007433	TRẦN MẠNH TÀN	05/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.75	5.5	0.50	0	21.85	22.35
433	25013967	LÊ VĂN TIỀN	09/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	7	0.50	0	21.85	22.35
434	25014221	ĐINH THỊ HẠNH	21/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7.25	0.50	0	21.85	22.35
435	25015886	ĐỖ QUANG THÁI	18/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	5.75	7.5	0.50	0	21.85	22.35
436	28020363	LÊ XUÂN HÙNG	03/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	6.75	0.50	0	21.85	22.35
437	28025424	KHƯƠNG VĂN DƯƠNG	10/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	6.2	0.50	0	21.85	22.35
438	29006388	NGÔ QUANG TRIỀU	04/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	7	0.50	0	21.85	22.35
439	30006861	NGUYỄN THỊ THUY	20/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	8.25	6	0.50	0	21.85	22.35
440	42012723	NGUYỄN THỊ LAN ANH	10/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7	0.75	0	21.6	22.35
441	48023711	VŨ ĐẠO	30/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.8	0.25	0	22.1	22.35
442	52003190	NGUYỄN HUY KIÊN	26/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	7.4	0.25	0	22.1	22.35
443	01008441	BÙI TRỌNG HIẾU	06/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	7	0.00	0	22.3	22.3
444	01016300	ĐẶNG THANH NAM	02/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7.75	7.75	0.00	0	22.3	22.3
445	17008887	ĐOÀN VIỆT HÙNG	05/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	6.5	6.75	0.25	0	22.05	22.3
446	17011224	QUÁCH THÀNH NAM	04/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7.25	0.25	0	22.05	22.3
447	19013689	ĐOÀN VĂN SƠN	24/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.75	0.50	0	21.8	22.3
448	25004771	ĐINH THỊ THU	20/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	6.25	0.50	0	21.8	22.3
449	25005557	ĐỖ TRẢ GIANG	20/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.5	0.50	0	21.8	22.3
450	25012501	TRẦN NGỌC CHIẾN	29/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.75	0.50	0	21.8	22.3
451	29005586	NGUYỄN XUÂN TIỀN	17/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	6.5	6.5	0.50	0	21.8	22.3
452	46007587	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	15/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.5	0.50	0	21.8	22.3
453	49003317	TRẦN KIM TÙNG	03/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	7.5	0.25	0	22.05	22.3
454	01014222	PHAN TUẤN KHẢI	15/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.75	0.00	0	22.25	22.25
455	01016243	PHẠM ĐỖ ANH MINH	06/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7.5	0.00	0	22.25	22.25

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
456	01029591	HÀ MAI ANH	15/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	6.75	0.25	0	22	22.25
457	01037875	NGUYỄN BÀ ĐẠT	21/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	6.25	0.00	0	22.25	22.25
458	01054503	ĐÀO TRỌNG NGHĨA	15/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	8	6	0.25	0	22	22.25
459	01054883	ĐỖ VIỆT SOÀI	30/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	6.75	0.25	0	22	22.25
460	01059166	NGUYỄN TUẤN TÙNG	17/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	8	6.2	0.25	0	22	22.25
461	10007786	HÀ VĂN HÙNG	25/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.25	0.75	0	21.5	22.25
462	17012497	TRỊNH ĐỨC TRƯỜNG	19/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7.6	0.75	0	21.5	22.25
463	18011132	HOÀNG THỊ VĂN ANH	08/11/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	9	7.75	5	0.50	0	21.75	22.25
464	19013521	NGUYỄN BÌNH MINH	21/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	6.75	0.50	0	21.75	22.25
465	21017373	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	13/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7	0.50	0	21.75	22.25
466	25013603	LÊ HUY DŨNG	26/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	7.4	0.50	0	21.75	22.25
467	28027085	NGUYỄN BẮC HOÀNG	26/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.5	0.50	0	21.75	22.25
468	01006270	ĐỖ THÀNH NAM	01/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	7	0.00	0	22.2	22.2
469	01011694	PHƯƠNG VĂN SƠN	20/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7	8.4	0.00	0	22.2	22.2
470	01017849	HOÀNG THÁI SƠN	06/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7.8	0.00	0	22.2	22.2
471	01055097	NGUYỄN KIM TRỌNG	11/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	9	6.75	6.2	0.25	0	21.95	22.2
472	01057971	NGUYỄN VĂN HIỆP	12/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.75	6.8	0.25	0	21.95	22.2
473	02020043	NGUYỄN HỒNG PHÚC	14/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	7.5	0.00	0	22.2	22.2
474	09007472	TẠ QUANG HIỆU	24/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.25	7	0.75	0	21.45	22.2
475	12008232	HOÀNG DƯƠNG TÙNG	11/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.5	7.25	0.25	1	20.95	22.2
476	16000744	NGUYỄN VĂN MẠNH	06/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	6.4	0.25	0	21.95	22.2
477	19008395	NGUYỄN VĂN HÙNG	04/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.4	6.5	8.8	0.50	0	21.7	22.2
478	19012837	TÔ VĂN NGUYỄN	17/08/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6.75	0.50	0	21.7	22.2
479	21017670	PHẠM ĐỨC MẠNH	20/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6.75	0.50	0	21.7	22.2
480	25001646	TRẦN TUẤN THÀNH	14/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7.25	0.25	0	21.95	22.2
481	25007952	LƯU MẠNH QUÂN	04/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.75	6.75	0.50	0	21.7	22.2
482	25008312	ĐỖ ĐỨC HUY	25/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6.75	0.50	0	21.7	22.2
483	26002050	HOÀNG VĂN THÀNH	11/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	7	0.25	0	21.95	22.2
484	26005986	NGUYỄN TRUNG TÂN	14/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6.75	0.50	0	21.7	22.2
485	26008454	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T	23/11/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.25	0.50	0	21.7	22.2
486	28000865	NGÔ QUỐC ANH	09/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.8	0.25	0	21.95	22.2
487	28014070	NGUYỄN THỊ HUYỀN TR	02/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.25	0.50	0	21.7	22.2
488	28018346	ĐÀO HUY HÀ	06/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.5	8	0.50	0	21.7	22.2
489	30004503	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	29/11/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.75	6.4	0.25	0	21.95	22.2
490	30010304	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	09/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	6.25	0.50	0	21.7	22.2
491	30010910	VÕ HOÀI NAM	22/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6.75	0.25	0	21.95	22.2
492	30014844	PHÙNG THỊ THANH TÂM	25/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.25	7.4	0.75	0	21.45	22.2
493	37009673	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	15/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	7	0.50	0	21.7	22.2
494	51008706	TRẦN THỊ HƯNG PHUON	17/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.75	7.5	0.75	0	21.45	22.2
495	01066995	NGUYỄN ANH TUÂN	31/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6.5	0.25	0	21.9	22.15
496	01074641	TRẦN VĂN THIÊN	28/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	8	6.75	0.00	0	22.15	22.15
497	02050699	LÂM QUÊ CHI	31/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	5.75	8.2	0.00	0	22.15	22.15
498	03013871	NGUYỄN QUANG KHÁNH	26/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	6.4	0.75	0	21.4	22.15
499	16011838	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LINH	13/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7	0.75	0	21.4	22.15
500	18000229	VỊ XUÂN LÂM	01/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	5.75	5.25	0.75	2	19.4	22.15
501	19004513	NGUYỄN THỊ THÙY TR	27/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.5	5.75	0.50	0	21.65	22.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
502	19006198	NGÔ ĐẠI NGHĨA	21/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	7	0.25	0	21.9	22.15
503	19012479	LIÊU VĂN TÙNG	15/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.5	6.75	0.50	0	21.65	22.15
504	21003939	PHẠM CÔNG THẮNG	24/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.5	6.75	0.50	0	21.65	22.15
505	25006980	ĐOÀN XUÂN BẠCH	06/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.5	0.50	0	21.65	22.15
506	26008549	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	04/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	6.75	0.50	0	21.65	22.15
507	26016893	NGUYỄN NGỌC SƠN	19/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6.25	0.50	0	21.65	22.15
508	28023747	NGUYỄN THỊ ĐẠO	21/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	6.75	0.50	0	21.65	22.15
509	28033789	TRỊNH ĐỨC THỊNH	08/10/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	7	0.50	0	21.65	22.15
510	29000408	NGUYỄN CÔNG THẮNG	28/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.75	5.5	0.50	0	21.65	22.15
511	29010453	NGUYỄN THỊ MẾN	03/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.25	6.8	0.50	0	21.65	22.15
512	29032189	TRẦN KHÁC QUỐC	26/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7.75	0.50	0	21.65	22.15
513	40004466	NGÔ VĂN ANH KHOA	02/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.4	8.25	6.75	0.75	0	21.4	22.15
514	46000777	ĐINH GIA KIỆM	01/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	5.5	8.8	0.25	0	21.9	22.15
515	01018422	BUI ĐỨC THẮNG	14/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	7	0.00	0	22.1	22.1
516	01051185	NGUYỄN THANH TÙNG	13/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.25	6	0.25	0	21.85	22.1
517	01066212	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	29/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.25	6.2	0.25	0	21.85	22.1
518	02046007	TRẦN NGỌC THẢO MY	08/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	7.4	0.00	0	22.1	22.1
519	22003542	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	03/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7	0.50	0	21.6	22.1
520	26000128	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	16/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.25	6	0.25	0	21.85	22.1
521	26008151	HÀ HUY HOÀNG	07/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	7	0.50	0	21.6	22.1
522	26016741	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	30/01/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	7.25	0.50	0	21.6	22.1
523	28027867	DƯƠNG VĂN MINH	20/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7	7.4	0.50	0	21.6	22.1
524	29028956	LÊ DUY HIỆU	20/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	5.75	7.25	0.50	0	21.6	22.1
525	35006103	LÊ VĂN THANH	28/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.5	7.5	0.50	0	21.6	22.1
526	01009221	PHẠM ĐĂNG NINH	06/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.5	7.75	0.00	0	22.05	22.05
527	01025674	VŨ MINH ĐỨC	28/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6	7.6	0.25	0	21.8	22.05
528	01040641	ĐẶNG SƠN HÀ	18/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	7	0.25	0	21.8	22.05
529	01041112	TẠ DUY TẤN	24/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.75	0.25	0	21.8	22.05
530	01060816	LÊ HỮU PHƯỚC	10/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	8	6	0.25	0	21.8	22.05
531	01062131	VŨ QUANG HUY	04/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.5	7.5	0.25	0	21.8	22.05
532	09000439	PHẠM THÁI SƠN	26/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	7.5	6.8	0.75	0	21.3	22.05
533	09007747	NGUYỄN THÀNH VINH	27/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.75	0	21.3	22.05
534	16003939	NGUYỄN HỒNG QUÂN	16/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	7	0.50	0	21.55	22.05
535	18008346	ĐỖ DANH LỰC	27/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.75	0	21.3	22.05
536	22002628	NGUYỄN ĐỨC LONG	06/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	6.75	6	0.50	0	21.55	22.05
537	22007585	BUI TIẾN ĐẠT	30/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.75	6.2	0.50	0	21.55	22.05
538	25007144	VŨ MINH HIỆU	04/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.75	0.50	0	21.55	22.05
539	26002115	NGÔ THỊ TOÀN	17/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6.5	0.25	0	21.8	22.05
540	26017129	NGUYỄN VĂN VIỆT	25/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	6.2	0.50	0	21.55	22.05
541	30013454	LÊ VĂN MẠNH	26/08/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.5	6	0.75	0	21.3	22.05
542	34000112	LÊ MINH HY	08/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.75	0.50	0	21.55	22.05
543	01019201	PHẠM LÊ ANH	03/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6	8.8	0.00	0	22	22
544	01032758	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	12/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.75	6.4	0.25	0	21.75	22
545	01045932	TRẦN HUY HOÀNG	30/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.25	0.25	0	21.75	22
546	07000114	PHẠM NGỌC ĐỨC	22/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	5.8	0.75	0	21.25	22
547	12004698	LÊ HỒNG DƯƠNG	19/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	6.4	0.75	0	21.25	22

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
548	15002148	NGUYỄN VĂN NAM	08/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.75	6.4	0.25	0	21.75	22
549	16007674	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	21/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.25	0.50	0	21.5	22
550	17007909	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	21/12/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.5	0.25	0	21.75	22
551	17012902	TÀNG CHÍ QUÝ	19/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	6.75	7.5	0.75	0	21.25	22
552	18017882	TRẦN THANH HIỀN	06/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7	0.25	0	21.75	22
553	25007562	VŨ NAM TRƯỞNG	04/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.5	7.4	0.50	0	21.5	22
554	25013541	TÔNG THẾ BAO	28/01/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	6.25	0.50	0	21.5	22
555	28013599	NGUYỄN VĂN ANH	04/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7.25	0.50	0	21.5	22
556	29028877	TRẦN HỮU ĐỨC	16/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6.25	0.25	0	21.75	22
557	37001122	HÀ QUỐC ĐẠT	08/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	7.2	0.25	0	21.75	22
558	01015273	NGUYỄN MINH QUÂN	02/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	7.4	0.00	0	21.95	21.95
559	01018641	TRẦN HOÀN NAM	30/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.8	0.00	0	21.95	21.95
560	01020051	VŨ TUẤN HUY	17/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	7.6	0.00	0	21.95	21.95
561	12003190	BUI VĂN NAM	08/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.4	0.75	0	21.2	21.95
562	21000310	NGUYỄN NGỌC LONG	21/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6.25	0.50	0	21.45	21.95
563	22009561	LÊ HOÀNG LONG	26/10/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6	7.25	0.50	0	21.45	21.95
564	22012167	VŨ MINH HIẾU	19/12/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.25	7	0.50	0	21.45	21.95
565	25007221	VŨ XUÂN KHAI	26/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.75	6.5	0.50	0	21.45	21.95
566	25013008	LÊ VĂN TUYỀN	17/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6.25	0.50	0	21.45	21.95
567	25014757	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	10/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6.25	0.50	0	21.45	21.95
568	26009172	TRẦN VĂN ĐỒNG	03/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.4	0.50	0	21.45	21.95
569	28012103	HOÀNG ANH SƠN	29/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6	6	0.75	2	19.2	21.95
570	29026477	HỒ MINH ĐỨC ANH	11/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	7.2	0.25	0	21.7	21.95
571	29027145	TRẦN HƯƠNG GIANG	11/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	7	0.25	0	21.7	21.95
572	36002942	VÔ MINH HIẾU	04/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.75	7.25	0.75	0	21.2	21.95
573	40006251	VŨ TRUNG PHONG	12/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	6.5	0.75	0	21.2	21.95
574	47007143	HOÀNG THỊ THU HIỀN	07/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.25	5.75	0.75	0	21.2	21.95
575	62000271	VŨ QUỐC KHÁNH	02/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.75	7.25	0.75	0	21.2	21.95
576	01023127	VŨ THANH THỦY	28/05/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7	7.5	7.4	0.00	0	21.9	21.9
577	02067275	LÝ PHÁT ĐẠT	06/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.25	8.2	0.25	0	21.65	21.9
578	03016102	ĐỖ VIỆT HOÀNG	14/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	7	0.25	0	21.65	21.9
579	06002345	LÃNG KHƯƠNG DUY	06/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	5.75	6	0.75	2	19.15	21.9
580	09000616	VŨ NGỌC ĐỨC	10/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7.25	0.75	0	21.15	21.9
581	16001825	LÊ BẢNG NGUYỄN	15/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.25	7	0.25	0	21.65	21.9
582	17013480	LÊ THẾ THẮNG	29/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6	7.25	0.25	0	21.65	21.9
583	18007227	LÝ VĂN HUY	14/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.5	4.25	0.75	2	19.15	21.9
584	19010570	NGUYỄN THẾ VIỆT	15/10/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	6.5	0.50	0	21.4	21.9
585	19013114	NGUYỄN TUẤN ANH	01/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7	0.50	0	21.4	21.9
586	22010048	THIỀU THỊ HOA	07/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.25	7.75	0.50	0	21.4	21.9
587	25008422	ĐỖ THỊ TRÁ LY	22/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6.2	0.50	0	21.4	21.9
588	25014635	ĐINH VĂN TUẤN	14/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	6.75	0.50	0	21.4	21.9
589	26001647	BUI QUANG ĐỨC	17/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6.25	0.25	0	21.65	21.9
590	26004723	LÊ CÔNG BẮNG	31/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	5.75	7.25	0.50	0	21.4	21.9
591	26006589	ĐẶNG VĂN TÙNG	15/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6	0.50	0	21.4	21.9
592	26007860	NGUYỄN THỊ TUYỀN	26/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.25	6.75	0.50	0	21.4	21.9
593	26018463	BUI NGỌC LINH	06/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.25	0.50	0	21.4	21.9

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
594	28001115	DƯƠNG VĂN KHÁNH	28/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.6	0.25	0	21.65	21.9
595	28011690	ĐO THỊ NGỌC ANH	26/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	5.75	6	0.75	2	19.15	21.9
596	28018239	HOÀNG ĐỨC ANH	05/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	6.5	0.50	0	21.4	21.9
597	29025151	LÊ QUANG THIỀU	07/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.25	7.2	0.25	0	21.65	21.9
598	29029314	NGUYỄN VĂN MINH	04/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	8	6.25	0.25	0	21.65	21.9
599	37008682	NGUYỄN ĐO KIỀU TRINH	20/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7	0.75	0	21.15	21.9
600	39009417	TRẦN HOÀI PHÚ	25/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.75	6.5	0.25	0	21.65	21.9
601	58007717	NGUYỄN TẤN LỘC	27/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	6.5	0.75	0	21.15	21.9
602	01004664	PHƯƠNG VĂN CHIÊN	09/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	6.75	0.00	0	21.85	21.85
603	01026418	LÊ VĂN PHONG	10/09/1999	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	6.5	0.25	0	21.6	21.85
604	01039871	VŨ NGỌC QUYNH	13/08/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	7.2	0.00	0	21.85	21.85
605	01048773	NGUYỄN KIM QUÂN	10/12/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	6.5	0.25	0	21.6	21.85
606	01067188	LÊ ĐỨC MẠNH	30/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7.2	0.25	0	21.6	21.85
607	07002753	LIU VĂN BĂNG	27/06/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	5.2	0.75	2	19.1	21.85
608	09006461	NGUYỄN THỊ HUỆ	27/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	6.5	0.75	0	21.1	21.85
609	16000466	PHẠM TIỀN DŨNG	12/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	6.75	0.25	0	21.6	21.85
610	16000666	BÙI TRUNG KIẾN	03/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7	7.8	0.25	0	21.6	21.85
611	17007465	CHU NGỌC HUYỀN	25/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	6.6	7.75	7.25	0.25	0	21.6	21.85
612	18011454	NGUYỄN THỊNH KHANG	14/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	6	0.50	0	21.35	21.85
613	22000962	CHU MẠNH KHANG	26/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7	7.4	0.25	0	21.6	21.85
614	22001786	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	14/02/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7	6.75	0.50	0	21.35	21.85
615	25011102	TRẦN NHẬT NAM	06/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.5	6.25	0.50	0	21.35	21.85
616	26001195	ĐO THỂ PHONG	17/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7.2	0.25	0	21.6	21.85
617	28009103	NGUYỄN TÀI PHÚC	11/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.5	7.4	0.75	0	21.1	21.85
618	01038108	LÊ NGỌC TRƯỜNG	12/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	7	6	0.00	0	21.8	21.8
619	01052078	NGUYỄN ĐỨC ANH	15/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	6.8	0.25	0	21.55	21.8
620	01061602	BÙI MINH TOÀN	18/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	8.25	5.5	0.25	0	21.55	21.8
621	01062950	NGUYỄN MINH QUANG	23/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	7.2	0.25	0	21.55	21.8
622	01065945	NGUYỄN VĂN HAI	27/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.75	5.4	0.25	0	21.55	21.8
623	05004973	PHƯƠNG TẢ SƠN	03/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	6.25	5.8	0.75	2	19.05	21.8
624	16000206	VƯƠNG THỊ MINH LƯƠNG	26/09/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8.8	7.25	5.5	0.25	0	21.55	21.8
625	16002567	PHAN VĂN TUẤN	16/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.5	0.50	0	21.3	21.8
626	19012750	NGUYỄN SỸ KHÔI	27/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6.25	0.50	0	21.3	21.8
627	23003585	BÙI NGỌC ĐÀI	10/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	5.75	6.5	0.75	2	19.05	21.8
628	24006197	TRINH THỊ QUÊ	11/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.5	0.50	0	21.3	21.8
629	25004263	VŨ CÔNG THƯỜNG	25/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.50	0	21.3	21.8
630	25007766	VŨ THỊ HOA	20/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.50	0	21.3	21.8
631	26008110	VŨ THỊ BÍCH HAO	15/10/2000	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	6.8	0.50	0	21.3	21.8
632	28010614	NGUYỄN LÊ QUANG HUY	16/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.5	0.75	0	21.05	21.8
633	32001461	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	21/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.50	0	21.3	21.8
634	01037789	NGUYỄN VĂN DŨNG	17/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7	0.00	0	21.75	21.75
635	01041490	VŨ TRẦN MỸ	17/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7	6.5	0.25	0	21.5	21.75
636	01063848	CHU HƯNG GIANG	08/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7.5	6	0.25	0	21.5	21.75
637	02056439	TRẦN CÔNG KHANH	22/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	7	0.00	0	21.75	21.75
638	03008793	NGUYỄN MINH THUẬN	12/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7.75	5.8	0.00	0	21.75	21.75
639	14001105	NGUYỄN DANH DƯƠNG	10/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.2	6	8.8	0.75	0	21	21.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU ¹	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
640	17004306	NGUYỄN TRUNG KIẾN	24/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	6.75	0.25	0	21.5	21.75
641	18007465	TRỊNH XUÂN TÂN	11/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	6	0.75	0	21	21.75
642	19010636	NGUYỄN KHẮC BẢO	10/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	6.25	0.50	0	21.25	21.75
643	27008805	PHẠM THANH LONG	11/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	7.75	6.25	0.75	0	21	21.75
644	28027802	NGUYỄN DUY LINH	14/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7	0.50	0	21.25	21.75
645	38001129	PHAN KIỀU NGÂN	20/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	7	6	0.75	0	21	21.75
646	48007657	QUÁCH VĂN LỰC	07/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	8	6.5	0.25	0	21.5	21.75
647	52008860	MAI ANH TÀI	03/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	6.75	0.50	0	21.25	21.75
648	12002173	KIM TUẤN HẢI	28/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.8	6.08	0.25	1	20.48	21.73
649	01027442	TRẦN THÀNH CHUNG	07/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.75	6.5	0.25	0	21.45	21.7
650	01055977	NGUYỄN NGỌC HUY	04/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.5	7.75	0.25	0	21.45	21.7
651	07000099	NGHIÊM KHẮC HAI ĐẢN	14/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	6.75	7.2	0.75	0	20.95	21.7
652	08001753	VŨ VĂN TRƯỜNG	25/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.5	6.25	0.75	0	20.95	21.7
653	15004373	KHÔNG ĐẠI NAM	25/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	5.75	0.75	0	20.95	21.7
654	22004164	HÀ DUY MẠNH	30/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.4	0.50	0	21.2	21.7
655	25015085	MAI TRUNG NGUYỄN	24/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	7	6	0.50	0	21.2	21.7
656	26005487	NGUYỄN THỊ DIU	14/02/2000	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.2	6	8	0.50	0	21.2	21.7
657	26015569	VŨ NGỌC VĂN	22/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	8	6	0.50	0	21.2	21.7
658	29003847	NGUYỄN VĂN HIẾU	31/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7	7	0.50	0	21.2	21.7
659	02039467	NGÔ QUANG KHÁNH	18/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	9.2	5.67	0.00	0	21.67	21.67
660	01030347	NGUYỄN VĂN ĐỨC	19/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.25	0.25	0	21.4	21.65
661	01048996	NGUYỄN HỮU VINH	22/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.25	0.25	0	21.4	21.65
662	01053778	NGÔ THỊ HUYỀN	19/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7.25	0.25	0	21.4	21.65
663	02046390	CHU QUÝ TỘC	23/10/1995	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	6.8	0.50	0	21.15	21.65
664	11001303	NGÔ MẠNH TUẤN	19/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6	5.5	0.75	2	18.9	21.65
665	13006990	TRẦN MINH TỬ	20/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.4	7.5	7	0.75	0	20.9	21.65
666	16000847	PHẠM MINH QUANG	03/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6	0.25	0	21.4	21.65
667	16007639	PHÙNG VIỆT ĐỨC	28/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7.25	6.5	0.50	0	21.15	21.65
668	17010908	ĐẶNG THÁI BÌNH	27/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	7	0.25	0	21.4	21.65
669	19003075	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7.75	5	0.50	0	21.15	21.65
670	22006325	TRỊNH THỊ LINH	18/01/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7	0.50	0	21.15	21.65
671	25000522	ĐỖ DUY TÙNG	12/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	7	6	0.25	0	21.4	21.65
672	25002191	TRẦN HỮU TRUNG	20/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.75	6.25	0.25	0	21.4	21.65
673	25008346	VŨ THỊ HƯƠNG	10/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	7	6.75	0.50	0	21.15	21.65
674	25011742	LÊ CHIẾN THẮNG	04/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7.25	0.50	0	21.15	21.65
675	26001772	NGUYỄN THỊ HUYỀN	08/03/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.6	0.25	0	21.4	21.65
676	26009655	NGUYỄN HOÀNG ANH	11/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.75	6	0.50	0	21.15	21.65
677	26017296	VŨ HUY ĐOÀN	08/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7	0.50	0	21.15	21.65
678	29009230	ĐẶNG NGUYỄN ĐẠT	24/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.4	6.5	6.25	0.50	0	21.15	21.65
679	30007439	ĐỖ THỊ NHƯ TƯỞI	26/07/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.75	7	0.50	0	21.15	21.65
680	30016264	PHAN NGUYỄN QUỐC VŨ	28/08/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.4	6.5	7	0.75	0	20.9	21.65
681	01003722	NGUYỄN ĐỨC MINH	17/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7	7.4	0.00	0	21.6	21.6
682	01034842	NGUYỄN VĂN HIỆP	12/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.5	6.25	0.25	0	21.35	21.6
683	01051249	NGUYỄN QUỐC VIỆT	03/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	7.5	5.25	0.25	0	21.35	21.6
684	01068359	NGHIÊM ĐỨC HẢI	31/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.75	7	0.25	0	21.35	21.6
685	18008739	PHẠM VĂN ĐỒNG	12/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.5	6.75	0.75	0	20.85	21.6

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
686	21006032	NGUYỄN VĂN TỬ	16/12/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.25	7.25	0.50	0	21.1	21.6
687	25012514	PHẠM TIẾN DANH	10/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.5	6.8	0.50	0	21.1	21.6
688	25014678	VŨ HOÀNG YẾN	11/08/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	6.25	0.50	0	21.1	21.6
689	26017428	NGUYỄN THỊ LAN HUỖN	05/06/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.25	6.25	0.50	0	21.1	21.6
690	28024906	LÊ ANH HOÀNG	28/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.6	6.25	6.25	0.50	0	21.1	21.6
691	01012338	TRẦN PHƯƠNG ANH	20/08/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.6	7.75	6.2	0.00	0	21.55	21.55
692	01016789	KIỀU TUẤN ANH	05/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	5.75	7.6	0.00	0	21.55	21.55
693	01039205	HOÀNG THANH LONG	09/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	6.25	8.5	0.00	0	21.55	21.55
694	01039857	LÊ ĐÌNH QUYỀN	19/07/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.8	8	4.75	0.00	0	21.55	21.55
695	01059151	PHẠM VĂN NGỌC TUẤN	14/09/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.25	0	21.3	21.55
696	01066323	NGUYỄN TRỌNG TỎI	04/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.5	7	0.25	0	21.3	21.55
697	02026934	NGUYỄN VĂN TIẾN DŨN	03/04/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.5	7.25	0.00	0	21.55	21.55
698	15001709	BUI BẢO NGỌC	04/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7	6.5	0.25	0	21.3	21.55
699	19001000	NGUYỄN MINH ĐỨC	18/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.75	0.25	0	21.3	21.55
700	21017283	ĐỖ QUANG ANH	02/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7.75	6.5	0.50	0	21.05	21.55
701	24004965	NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN	28/12/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	7.25	6	0.50	0	21.05	21.55
702	25004238	NGUYỄN THỊ LÊ THU	01/10/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.5	0.50	0	21.05	21.55
703	25010186	NGUYỄN VĂN AN	10/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	7.25	6.6	0.50	0	21.05	21.55
704	26014432	LÊ QUANG HUY	28/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.8	6.75	6.5	0.50	0	21.05	21.55
705	01034334	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	28/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.25	6	0.25	0	21.25	21.5
706	01038370	NGUYỄN THANH HẢI	28/02/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8.2	6.5	6.8	0.00	0	21.5	21.5
707	01045071	ĐỖ XUÂN VIỆT	04/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	6.8	7.25	7.2	0.25	0	21.25	21.5
708	01063467	ĐỖ VĂN DUY	12/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7.75	5.5	0.25	0	21.25	21.5
709	02023130	NGUYỄN TỬ ANH	06/01/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	6.75	0.00	0	21.5	21.5
710	03001297	BUI XUÂN LONG	24/01/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.25	7	0.25	0	21.25	21.5
711	03008935	LẠI QUANG ĐỨC	30/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	5.5	8.4	0.00	0	21.5	21.5
712	18011156	NGUYỄN TUẤN ANH	27/11/2000	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	6.25	0.50	0	21	21.5
713	18017571	NGUYỄN VĂN TIẾN	24/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	5.75	7.5	0.25	0	21.25	21.5
714	25001210	NGUYỄN THANH TÙNG	17/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	6.75	6.5	0.25	0	21.25	21.5
715	25001898	PHẠM NGỌC HIẾU	15/11/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6.25	7.4	0.25	0	21.25	21.5
716	25010630	LƯU ĐỨC SƠN	28/05/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.6	6	7.4	0.50	0	21	21.5
717	26005083	TRẦN THỊ NGOAN	06/01/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6	7	0.50	0	21	21.5
718	26017003	NGUYỄN THỊ QUỲNH TH	29/04/2001	NỮ	7480202	An toàn thông tin	8	6.5	6.5	0.50	0	21	21.5
719	28010967	PHAN HOÀNG DƯƠNG	02/10/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	8	7	5.75	0.75	0	20.75	21.5
720	29002326	TRẦN VĂN CHÍNH	30/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	7	6.75	0.75	0	20.75	21.5
721	30012493	LÊ VĂN CƯỜNG	06/06/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7	6.75	7.25	0.50	0	21	21.5
722	38005394	LÊ QUANG THIÊN	24/03/2001	NAM	7480202	An toàn thông tin	7.2	6.75	6.8	0.75	0	20.75	21.5
723	29031485	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	04/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.6	8.5	8.75	0.75	0	25.85	26.6
724	12000284	NGÔ TIẾN DŨNG	08/08/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7.5	7.4	0.75	2	22.9	25.65
725	09007645	ÔN CÁT TÂN	12/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	6	6.75	0.75	2	19.75	22.5
726	16006854	ĐÀO XUÂN MẠNH	17/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6	7.5	0.50	1	20.9	22.4
727	17004085	HOÀNG DUNG	06/12/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.6	6.75	6.8	0.25	0	22.15	22.4
728	01008378	VŨ PHAN BẢO HÀ	28/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7.75	6.5	0.00	0	22.05	22.05
729	19012437	NGUYỄN BÀ TOẢN	18/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7	6.5	0.50	0	21.5	22
730	01025163	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	26/11/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7.75	6.4	0.00	0	21.95	21.95
731	01039620	NGUYỄN XUÂN MINH	02/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.75	6.75	0.00	0	21.9	21.9

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
732	44006816	NGUYỄN QUỐC HIỆU	22/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7.25	6.4	0.25	0	21.65	21.9
733	16000398	VŨ ĐỨC ANH	16/07/2000	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7	6.5	0.25	0	21.5	21.75
734	17011015	VŨ ĐỨC HẢI	10/04/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.4	6.5	6.5	0.25	0	21.4	21.65
735	26006296	TRẦN VĂN HÀ	09/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	6.75	0.50	0	21.1	21.6
736	26014867	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	14/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.5	7	0.50	0	21.1	21.6
737	03018396	BUI DUY NĂNG	02/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7	6.5	0.25	0	21.3	21.55
738	48014537	VŨ NGUYỄN NHẬT NAM	07/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.75	6.5	0.50	0	21.05	21.55
739	26005755	PHẠM VĂN LĂNG	20/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.25	6.75	0.50	0	21	21.5
740	01027608	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	14/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7	6.2	0.25	0	21.2	21.45
741	01068800	TRẦN MINH HOÀNG	30/04/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	6.75	7.25	0.25	0	21.2	21.45
742	05004950	BÀN VĂN ƠN	19/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.2	7.75	4.75	0.75	2	18.7	21.45
743	26015312	LÂM VĂN MINH	27/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	7.75	5.6	0.50	0	20.95	21.45
744	27004082	ĐO NGỌC PHONG	26/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.2	6.75	6.25	0.25	0	21.2	21.45
745	01028648	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	21/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.5	6.25	0.25	0	21.15	21.4
746	01049049	PHÍ HOÀNG KHƯƠNG	02/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.25	6.5	0.25	0	21.15	21.4
747	01060113	LƯU TIỀN HUY	08/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7	6.75	0.25	0	21.15	21.4
748	03016982	PHẠM VĂN MẠNH	16/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.25	6.5	0.25	0	21.15	21.4
749	15008699	ĐẶNG PHÚC THỌ	20/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.2	7.25	5.2	0.75	2	18.65	21.4
750	25003001	ĐẶNG THỊ DUNG	30/08/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7	6.5	0.50	0	20.9	21.4
751	26008349	VŨ THỊ NGUYỆT	13/12/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6.5	7	0.50	0	20.9	21.4
752	28011593	QUÁCH KHAI TÂN	27/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.4	5	5.25	0.75	2	18.65	21.4
753	18010246	NGUYỄN ĐỨC CÀNH	18/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	6.25	0.75	0	20.6	21.35
754	25001423	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	16/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	6.5	7.4	0.25	0	21.1	21.35
755	25016040	ĐO THỊ VÂN	12/07/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.25	6.8	0.50	0	20.85	21.35
756	28012759	NGUYỄN PHƯƠNG THẠCH	19/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.6	5.75	6.5	0.50	0	20.85	21.35
757	01057613	NGUYỄN DUY ĐĂNG	30/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.75	6.5	0.25	0	21.05	21.3
758	01064912	NGUYỄN THÀNH QUANG	25/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.25	7	0.25	0	21.05	21.3
759	19001775	NGUYỄN THANH MINH	15/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	7.5	6.75	0.25	0	21.05	21.3
760	19010606	NGUYỄN THẾ ANH	31/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.8	6.25	5.75	0.50	0	20.8	21.3
761	26017334	BUI HỒNG HẠNH	30/07/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	7	6.2	0.50	0	20.8	21.3
762	01038113	TRẦN QUANG TRƯỜNG	17/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.5	6.75	0.00	0	21.25	21.25
763	24000576	LÊ TRUNG KIÊN	09/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6	7.4	0.25	0	21	21.25
764	24000701	NGUYỄN TRƯỜNG PHƯỚC	29/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	5.75	7.25	0.25	0	21	21.25
765	25014644	ĐINH THANH TÙNG	16/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7	5.75	0.50	0	20.75	21.25
766	10000325	PHẠM LÊ MINH	27/08/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.2	6.5	5.75	0.75	0	20.45	21.2
767	12001124	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	07/07/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	7	6.25	0.75	0	20.45	21.2
768	19010033	DƯƠNG THẾ ĐÀI	19/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	7	6.5	0.50	0	20.7	21.2
769	19012185	HOÀNG CÔNG HUYNH	20/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.2	5.75	6.75	0.50	0	20.7	21.2
770	25000099	VŨ DUY DUY	04/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.2	7.5	7.25	0.25	0	20.95	21.2
771	28025295	HOÀNG ANH TỬ	18/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.2	6.5	6	0.50	0	20.7	21.2
772	62000102	TRỊNH VŨ DUY	06/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	5.5	7.75	0.75	0	20.45	21.2
773	01026710	NGUYỄN THÀNH TRUNG	16/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.4	6.25	6.25	0.25	0	20.9	21.15
774	01045378	NGUYỄN TIỀN DŨNG	19/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.4	6	6.5	0.25	0	20.9	21.15
775	25017230	TRẦN QUANG TRƯỜNG	05/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6.75	6.5	0.50	0	20.65	21.15
776	01018599	NGUYỄN QUANG MINH	11/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	6.75	0.00	0	21.1	21.1
777	19002641	NGUYỄN KHẮC KHAI	17/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	7.25	6	0.25	0	20.85	21.1

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm ĐTU/T	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
778	22011159	ĐÀO THỊ HUYỀN	21/08/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	6.25	0.50	0	20.6	21.1
779	26001588	BUI QUÝ DOANH	17/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	6.5	0.25	0	20.85	21.1
780	29028039	NGUYỄN QUỐC BẢO	22/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	7.25	6	0.25	0	20.85	21.1
781	01047936	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	15/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7.25	5.75	0.25	0	20.8	21.05
782	01054887	ĐỖ CÔNG SƠN	01/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7	6	0.25	0	20.8	21.05
783	19008063	NGÔ DUY TIỀN	06/04/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7.25	5.5	0.50	0	20.55	21.05
784	22000260	NGUYỄN MINH LAI	25/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	7	7	0.25	0	20.8	21.05
785	22004236	NGUYỄN VĂN TÀI	02/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.75	6	0.50	0	20.55	21.05
786	27001969	HOÀNG THÈ HƯỜNG	28/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	8	5.75	0.50	0	20.55	21.05
787	29022483	HOÀNG TRUNG THÔNG	20/01/2000	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	7.25	6.25	0.75	0	20.3	21.05
788	31002205	NGUYỄN CÔNG TUNG	06/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6.5	6.5	0.25	0	20.8	21.05
789	01005647	LƯƠNG GIA HUY	13/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7.5	5.5	0.00	0	21	21
790	01014474	TRỊNH ĐÌNH TUẤN	27/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	6	7.2	0.00	0	21	21
791	12006601	CÙ THANH ĐẠT	09/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.5	6.25	0.25	0	20.75	21
792	18011563	DƯƠNG VĂN NAM	16/06/2000	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	7.5	4.75	0.75	0	20.25	21
793	27001569	VŨ ANH LUẬN	02/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	7.25	6.25	0.50	0	20.5	21
794	28025112	BUI HUY PHÚC	16/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	7	6.5	0.50	0	20.5	21
795	30006515	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	06/06/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	6	7.5	0.50	0	20.5	21
796	01025650	NGUYỄN THÈ ĐÔNG	20/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	6.25	7.25	0.25	0	20.7	20.95
797	15004250	TRẦN TIỀN ANH	30/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6	6.6	0.75	0	20.2	20.95
798	15011609	BUI DUY LONG	17/05/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.2	6.5	7.5	0.75	0	20.2	20.95
799	22009158	ĐOÀN DUY TRUNG	19/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.25	5.8	0.50	0	20.45	20.95
800	25000977	MAI XUÂN NAM	14/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.2	6.25	6.25	0.25	0	20.7	20.95
801	26010986	TRẦN VĂN CỪ	08/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	7.25	6	0.50	0	20.45	20.95
802	28027732	NGUYỄN VĂN HUY	23/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	5.5	7.75	0.50	0	20.45	20.95
803	01004269	NGUYỄN TUẤN HỌC ANH	22/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	5.5	8.2	0.00	0	20.9	20.9
804	01037781	BUI VIỆT DŨNG	25/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7	6.5	0.00	0	20.9	20.9
805	01038065	HOÀNG NGỌC ĐOÀN TR	06/05/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6.5	7	0.00	0	20.9	20.9
806	01054312	NGUYỄN NGỌC QUANG V	18/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7.25	6	0.25	0	20.65	20.9
807	01060873	BUI VĂN THÁI	23/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.4	6.25	6	0.25	0	20.65	20.9
808	17004030	TRƯƠNG TUẤN ANH	05/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	7.25	6.6	0.25	0	20.65	20.9
809	19005388	NGUYỄN TẮT TÙNG	07/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	7	6.25	0.25	0	20.65	20.9
810	25001040	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	16/10/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.4	7	7.25	0.25	0	20.65	20.9
811	25007750	ĐỖ QUANG HIỆP	16/02/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6.25	6.75	0.50	0	20.4	20.9
812	25015444	PHẠM MINH CHIÊN	14/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6	6.8	0.50	0	20.4	20.9
813	26001785	PHAN PHÚC HÙNG	29/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.4	6.25	7	0.25	0	20.65	20.9
814	16007620	ĐẶNG KHÁNH DUY	14/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6	6.75	0.50	0	20.35	20.85
815	19001051	NGUYỄN CÔNG HIỆP	08/07/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8.6	7.5	4.5	0.25	0	20.6	20.85
816	19004493	NGUYỄN ĐĂNG TOÀN	31/07/2000	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.25	6.5	0.50	0	20.35	20.85
817	19012035	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	26/10/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.25	6.5	0.50	0	20.35	20.85
818	25005575	PHẠM THỊ HẰNG	23/10/2001	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	7.25	5.5	0.50	0	20.35	20.85
819	30001433	TRẦN TRỌNG THẮNG	30/04/2000	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.6	6.75	5.75	0.75	0	20.1	20.85
820	16005323	ĐÀO VĂN HÒA	23/11/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	6.25	7	0.75	0	20.05	20.8
821	18015868	LƯƠNG HỒNG QUÂN	28/03/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.8	6.5	6.75	0.75	0	20.05	20.8
822	27002103	ĐÌNH NGỌC THUẤN	04/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.8	7.5	5	0.50	0	20.3	20.8
823	42008263	LÊ THỊ KIM DUYỀN	11/05/2000	NỮ	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7.2	7.25	5.6	0.75	0	20.05	20.8

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm KVUT	Điểm DTUT	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
824	01016857	NGUYỄN NGỌC QUANG	28/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	7	6.75	0.00	0	20.75	20.75
825	01028535	NGÔ ĐỨC VINH	03/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.25	6.25	0.25	0	20.5	20.75
826	01039877	ĐẶNG THANH SƠN	18/12/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	6.4	7.75	6.6	0.00	0	20.75	20.75
827	01056899	TRẦN QUANG THIÊN	27/04/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	5.25	7.25	0.25	0	20.5	20.75
828	01057612	NGÔ HẢI ĐĂNG	28/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	5.5	8	0.25	0	20.5	20.75
829	25002086	BÙI VĂN SAN	02/06/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	5.75	6.75	0.25	0	20.5	20.75
830	25008377	NGUYỄN NGỌC LÂM	18/01/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	7	7.5	5.75	0.50	0	20.25	20.75
831	26000684	TẠ BÁ CÁT TƯỜNG	13/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.5	6	0.25	0	20.5	20.75
832	27004832	NGUYỄN ĐỨC TOẠI	29/09/2001	NAM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn	8	6.75	5.5	0.50	0	20.25	20.75